

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Hà Nội, tháng 08 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Trụ sở chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Trụ sở chính trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Mạnh Linh	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Trần Hồng Thanh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Trần Anh Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Vũ Thị Thúy	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)

Ban Giám đốc

Bà Bùi Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Trần Hồng Thanh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018, bổ nhiệm ngày 26/03/2018)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)
Ông Nguyễn Thành Trung	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13/02/2018)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trụ sở chính và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 284/GUQ.HHC ngày 10/05/2018)

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Số 131/2018/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là “Trụ sở chính”) được lập ngày 14 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		408.684.158.576	228.636.369.451
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	19.211.020.864	73.238.956.183
1. Tiền	111		17.321.020.864	52.238.956.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.890.000.000	21.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		152.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	152.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		146.042.439.831	62.466.795.517
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	16.571.562.593	29.773.603.782
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	34.470.468.441	2.722.317.100
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		20.605.475.113	28.262.747.376
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	74.394.933.684	1.708.127.259
IV. Hàng tồn kho	140	9	88.287.613.027	90.476.319.184
1. Hàng tồn kho	141		88.287.613.027	90.476.319.184
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.143.084.854	2.454.298.567
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	794.473.069	1.679.886.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		867.239.138	742.383.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.481.372.647	32.028.820
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.716.645.391	278.532.697.304
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		224.446.975	224.446.975
1. Phải thu dài hạn khác	216		224.446.975	224.446.975
II. Tài sản cố định	220		209.338.859.561	220.594.741.248
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	209.338.859.561	220.594.741.248
- Nguyên giá	222		432.065.399.882	458.823.250.772
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222.726.540.321)	(238.228.509.524)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		95.000.000	95.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.000.000)	(95.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		54.153.338.855	57.713.509.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	54.153.338.855	57.713.509.081
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		672.400.803.967	507.169.066.755

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU SỐ B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		320.050.113.092	154.962.278.467
I. Nợ ngắn hạn	310		179.385.190.227	154.393.355.602
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	36.825.949.497	86.364.705.252
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.376.311.292	5.038.899.183
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	655.659.662	6.157.443.796
4. Phải trả người lao động	314		6.444.093.000	23.837.846.790
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	755.122.227	6.396.754.146
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		607.980.001	563.380.006
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	16.740.560.972	14.989.366.690
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	113.279.334.574	252.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.700.179.002	10.792.959.739
II. Nợ dài hạn	330		140.664.922.865	568.922.865
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	664.922.865	568.922.865
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	140.000.000.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.350.690.875	352.206.788.288
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	352.350.690.875	352.206.788.288
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		146.406.604.365	114.390.296.941
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.534.974.210	36.407.379.047
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.706.002.811	2.713.954.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.828.971.399	33.693.424.296
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		672.400.803.967	507.169.066.755

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Bình

Phụ trách kế toán



Đinh Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thanh Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

MẪU SỐ B 02a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		395.381.154.437	374.040.844.044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.425.551.199	6.311.297.926
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	384.955.603.238	367.729.546.118
4. Giá vốn hàng bán	11	21	321.322.547.228	301.977.968.833
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		63.633.056.010	65.751.577.285
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.717.216.601	2.101.988.264
7. Chi phí tài chính	22	23	3.901.054.396	71.092.048
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.590.328.936	8.164.800
8. Chi phí bán hàng	25	24	36.266.918.884	23.081.689.682
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	23.362.277.807	30.349.279.889
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.820.021.524	14.351.503.930
11. Thu nhập khác	31		647.442.076	261.210.715
12. Chi phí khác	32		418.540.794	192.691.511
13. Lợi nhuận khác	40		228.901.282	68.519.204
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.048.922.806	14.420.023.134
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		219.951.407	2.918.373.611
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.828.971.399	11.501.649.523

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Bình

Phụ trách kế toán

Đinh Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thanh Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

MẪU SỐ B 03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.048.922.806	14.420.023.134
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12.805.181.311	8.184.245.592
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(61.657.306)	1.416.583
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.988.875.703)	(2.073.990.072)
- Chi phí lãi vay	06	3.590.328.936	8.164.800
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.393.900.044	20.539.860.037
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(71.908.174.464)	(43.035.057.572)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.188.706.157	6.626.675.870
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(72.769.845.596)	8.392.960.564
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.445.583.594	(1.505.639.221)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.600.323.336)	(16.200.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.087.018.266)	(7.705.995.071)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	600.000	60.950.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.976.006.343)	(6.115.639.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(152.312.578.210)	(22.758.084.393)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.574.803.480)	(98.529.858.024)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	630.706.819	359.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	51.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.050.213	4.139.097.651
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.758.046.448)	(43.031.669.464)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	260.277.334.574	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.250.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.213.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	253.027.334.574	(8.213.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(54.043.290.084)	(74.003.678.857)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	73.238.956.183	111.519.234.631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.354.765	(8.988.535)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.211.020.864	37.506.567.239

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Bình

Phụ trách kế toán



Đinh Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁNH KẸO
HẢI HÀ

Bùi Thị Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101444379 thay đổi lần thứ 7 ngày 09/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 là 164.250.000.000 đồng tương ứng với 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Trụ sở chính được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Các đơn vị trực thuộc Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
A Các đơn vị hạch toán chung (Xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Lạc Long Quân, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	
2 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3, đường Thanh Bình, phường Hạ Long, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	
3 Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, xã Phù Chẩn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	
B Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (Có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1 Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Lô 27 đường Tân Tạo - Khu CN Tân Tạo, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà
2 Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Phân phối sản phẩm của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Trụ sở chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Do Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà nên người sử dụng báo cáo tài chính riêng này cần đọc cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và những thay đổi về tình hình tài chính của toàn Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Trụ sở chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, thương phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các loại chứng khoán nợ khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

đáo hạn khác, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu “Các khoản tương đương tiền”, “Phải thu về cho vay ngắn hạn” và “Phải thu về cho vay dài hạn”.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư như chi phí môi giới, giao dịch, tư vấn, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.... Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi.

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo thuyết minh “Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi”.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Trụ sở chính căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Trụ sở chính được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; riêng một số tài sản cố định thuộc nhóm máy móc, thiết bị và nhóm phương tiện vận tải được tính theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP - Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí trả trước tiền thuê đất được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê, bao gồm:

- Tiền thuê 2.565 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với đơn giá thuê 1.425.420 VND/m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2005 theo Hợp đồng thuê đất số 309/HĐ-TLĐ/KD-05 ngày 10/05/2005 được ký với Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- Tiền thuê 48.705 m² đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh với đơn giá thuê là 62 USD/m², thời gian thuê là 47 năm kể từ ngày 14/12/2010 theo Hợp đồng thuê đất số 054B/055/056/057A ngày 14/12/2010 được ký với Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh.
- Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh về chuyển đổi ngoại tệ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty là các khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

MẪU SỐ B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Trụ sở chính đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Trụ sở chính không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Trụ sở chính sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, tiền đầu tư và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong năm của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: lãi tiền vay; chiết khấu thanh toán, lỗ chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ (ngoại trừ chi phí đi vay đã được vốn hóa);
- Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Trụ sở chính có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và xác định căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của Trụ sở chính và các chi nhánh và được nộp tập trung tại Trụ sở chính. Theo đó, Trụ sở chính không thuyết minh chi tiết chỉ tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” trong báo cáo riêng của Trụ sở chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty và được theo dõi tại Trụ sở chính nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty/Trụ sở chính trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Trụ sở chính, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Trụ sở chính: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Trụ sở chính và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Trụ sở chính, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Trụ sở chính.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 26.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	362.412.323	154.645.294
Tiền gửi ngân hàng	16.958.608.541	52.084.310.889
Các khoản tương đương tiền (*)	1.890.000.000	21.000.000.000
Cộng	<u><u>19.211.020.864</u></u>	<u><u>73.238.956.183</u></u>

(*): Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃ SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Mua trái phiếu Công ty TNHH Hakuba (*)	12.000.000.000	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác (**)	140.000.000.000	-	-	-
Cộng	152.000.000.000	-	-	-

(*): Là khoản đầu tư thông qua hình thức mua trái phiếu của Công ty TNHH Hakuba. Công ty nắm giữ số lượng 120.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/1 trái phiếu, loại trái phiếu không chuyển đổi, phát hành ngày 27/04/2018, đáo hạn ngày 27/04/2021, số lượng trái phiếu nói trên đã được bán cho Công ty Cổ phần Chứng khoán ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng mua bán trái phiếu số 40/HĐTP-M/VPBS/HKB_TP/HO ngày 02/05/2018 (VPBS), trái phiếu sẽ được chuyển giao cho VPBS vào ngày 19/04/2019.

(**): Là khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn theo Hợp đồng dịch vụ chứng khoán số 01/2018/HHC-VFS.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
IMPACT CO., LTD (Shine Win Trading)	3.332.854.829	2.613.914.002
ZONATRADING FOODS CO.,LTD(D-Khand)	3.317.336.309	7.011.949.746
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.921.371.455	20.147.740.034
Cộng	16.571.562.593	29.773.603.782

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH thương mại & kỹ thuật PCCC Phú Thị	-	1.577.290.700
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA	29.094.467.942	-
Các đối tượng khác	5.376.000.499	1.145.026.400
Cộng	34.470.468.441	2.722.317.100

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.069.993.371	-
Nguyên liệu, vật liệu	43.500.821.272	-	66.224.463.955	-
Công cụ, dụng cụ	151.204.523	-	139.783.796	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	255.787.126	-	17.373.116	-
Thành phẩm	44.379.800.106	-	23.024.704.946	-
Cộng	88.287.613.027	-	90.476.319.184	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

MẪU SỐ B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	74.394.933.684	-	1.708.127.259	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000.000	-	-	-
Tạm ứng	1.728.373.053	-	1.660.705.037	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.353.951.085	-	47.422.222	-
Phải thu khác	7.287.671	-	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA (*)	61.305.321.875	-	-	-
Dài hạn	224.446.975	-	224.446.975	-
Ký cược, ký quỹ	224.446.975	-	224.446.975	-
Cộng	74.619.380.659	-	1.932.574.234	-

(*): Số dư phải thu khác từ Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA là khoản tiền hợp tác đầu tư kinh doanh theo Hợp đồng số 64/HĐHTĐT/MESA-HHC ngày 01/04/2018 và Hợp đồng Số 02052018/HĐHTĐT/MESA-HHC ngày 01/05/2018.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	794.473.069	1.679.886.437
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho	123.500.000	183.000.000
Chi phí quảng cáo	577.707.140	1.203.276.972
Các khoản khác	93.265.929	293.609.465
Dài hạn	54.153.338.855	57.713.509.081
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	48.385.464.607	48.985.464.607
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	2.588.230.122	2.628.854.592
Chi phí quảng cáo	1.927.431.626	3.081.277.777
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	895.201.834	2.860.868.149
Chi phí trả trước dài hạn khác	357.010.666	157.043.956
Cộng	54.947.811.924	59.393.395.518

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trích trước chi phí lãi vay	-	9.994.400
Trích trước chi phí vận chuyển	387.916.767	2.621.051.373
Trích trước chi phí bán hàng	-	1.770.172.445
Trích trước chi phí khác	367.205.460	1.995.535.928
Cộng	755.122.227	6.396.754.146

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09a - DN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2018	166.196.163.388	268.671.382.239	23.500.404.145	455.301.000	458.823.250.772
Mua trong kỳ	2.522.201.818	50.470.000	-	-	2.572.671.818
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.836.535.859)	(1.265.944.581)	(41.650.000)	(27.144.130.440)
Điều chuyển nội bộ	-	-	(2.186.392.268)	-	(2.186.392.268)
Tại ngày 30/06/2018	168.718.365.206	242.885.316.380	20.048.067.296	413.651.000	432.065.399.882
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2018	48.048.675.830	174.813.997.155	15.126.512.571	239.323.968	238.228.509.524
Khấu hao trong kỳ	5.880.146.266	6.071.025.015	826.059.546	27.950.484	12.805.181.311
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.654.703.445)	(1.265.944.581)	(41.650.000)	(26.962.298.026)
Điều chuyển nội bộ	-	-	(1.344.852.488)	-	(1.344.852.488)
Tại ngày 30/06/2018	53.928.822.096	155.230.318.725	13.341.775.048	225.624.452	222.726.540.321
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2018	118.147.487.558	93.857.385.084	8.373.891.574	215.977.032	220.594.741.248
Tại ngày 30/06/2018	114.789.543.110	87.654.997.655	6.706.292.248	188.026.548	209.338.859.561

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 143.864.809.079 đồng (tại ngày 31/12/2017 là 170.390.053.060 đồng).

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng, chi tiết theo Thuyết minh số 16.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09a - DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Bao bì và In nông nghiệp	5.069.116.586	5.069.116.586	10.086.481.152	10.086.481.152
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại An Khải	840.728.236	840.728.236	7.774.007.900	7.774.007.900
Công ty Cổ phần Bao bì Lam Sơn	3.697.513.732	3.697.513.732	5.743.944.172	5.743.944.172
Công ty TNHH Bao bì Nhựa Tân Hiệp Lợi	4.367.878.514	4.367.878.514	5.160.383.447	5.160.383.447
Công ty TNHH TMA	3.786.545.070	3.786.545.070	4.434.973.290	4.434.973.290
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	19.064.167.359	19.064.167.359	53.164.915.291	53.164.915.291
Cộng	36.825.949.497	36.825.949.497	86.364.705.252	86.364.705.252

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2018		Số phải nộp trong kỳ		Số đã nộp trong kỳ		30/06/2018	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1.248.424.746	11.223.286.243	11.223.286.243	12.099.068.643	372.642.346	-	372.642.346	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.033.362.750	1.033.362.750	1.033.362.750	-	-	-	
Thuế nhập khẩu	(32.028.820)	368.292.242	368.292.242	352.204.900	(15.941.478)	(15.941.478)	(15.941.478)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.401.635.690	219.951.407	219.951.407	6.087.018.266	(1.465.431.169)	(1.465.431.169)	(1.465.431.169)	
Thuế thu nhập cá nhân	503.201.000	667.368.111	667.368.111	957.450.222	213.118.889	213.118.889	213.118.889	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.376.424.050	4.376.424.050	4.309.107.663	67.316.387	67.316.387	67.316.387	
Thuế khác và các khoản phải nộp khác	4.182.360	13.802.080	13.802.080	15.402.400	2.582.040	2.582.040	2.582.040	
Cộng	6.125.414.976	17.902.486.883	17.902.486.883	24.853.614.844	(825.712.985)	(825.712.985)	(825.712.985)	

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

32.028.820

6.157.443.796

1.481.372.647

655.659.662

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09a - DN

16. VAY NGẮN DÀI HẠN

	01/01/2018		Trong kỳ		30/06/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	252.000.000	252.000.000	120.277.334.574	7.250.000.000	113.279.334.574	113.279.334.574
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (i)	-	-	25.538.705.157	-	25.538.705.157	25.538.705.157
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 (ii)	-	-	55.000.000.000	7.000.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (iii)	-	-	39.738.629.417	-	39.738.629.417	39.738.629.417
Vay cá nhân	252.000.000	252.000.000	-	250.000.000	2.000.000	2.000.000
Vay dài hạn	-	-	140.000.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (iv)	-	-	140.000.000.000	-	140.000.000.000	140.000.000.000
Cộng	252.000.000	252.000.000	260.277.334.574	7.250.000.000	253.279.334.574	253.279.334.574

(i): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1810900132 ngày 21/04/2018, hạn mức tín dụng là 70 tỷ đồng, thời hạn hạn mức tín dụng là 1 năm kể từ ngày ký hợp đồng, tài sản đảm bảo là các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác Quyền sử dụng đất thuê, Quyền tài sản phát sinh đối với tài sản đầu tư, quyền thụ hưởng bảo hiểm tài sản và hạ tầng kỹ thuật trên đất tại lô đất số 054B/055/056/057A thuộc Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chân, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo hợp đồng thuê đất số VSIP-LA-0458 ngày 14/12/2010; các công trình phụ trợ được xây dựng trên lô đất số 054B/055/056/057A thuộc Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chân, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cụ thể như sau: Nhà văn phòng, Khung nhà xưởng, Kho nguyên liệu, Kho chứa phẩm, kho chứa rác, nhà nồi hơi, nhà xe, nhà bảo vệ, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 239.429.000.000 đồng, mục đích cấp tín dụng được thỏa thuận theo từng lần cấp tín dụng, lãi suất được quy định cụ thể trong từng lần nhận nợ.

(ii): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/5770286/HETDHM ngày 09/04/2018, hạn mức vay là 55 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(iii): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/18/HM/6471946 ngày 18/04/2018, hạn mức vay là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng và được ghi trên từng giấy nhận nợ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm đối với VND và 4%/năm đối với USD, lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản được thế chấp theo Công văn số 011704/2018/HHC ngày 17/04/2018.

(iv): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số LD1810900131 ngày 21/04/2018, hạn mức tín dụng được cấp là 250 tỷ đồng, mục đích vay là hoàn vốn tự có đầu tư xây dựng nhà máy Giai đoạn 1 và 2, số tiền tối đa là 140 tỷ đồng, thanh toán chi phí đầu tư giai đoạn 3 số tiền tối đa là 110 tỷ đồng, phát hành L/C trả ngay, trả chậm nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư cho Dự án được tài trợ; lãi suất 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất được áp dụng theo lãi suất huy động tiền gửi cá nhân VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của ngân hàng cộng biên độ 3%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, thời hạn vay là 60 tháng; khoản vay được ân hạn gốc 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; gốc vay được trả 3 tháng/lần theo phụ lục lịch trả nợ; khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản với tổng giá trị của tài sản đảm bảo ước tính là 297.429.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

- Các công trình phụ trợ được xây dựng trên lô đất số 054B/055/056/057A thuộc Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cụ thể như sau: Nhà văn phòng, khung nhà xưởng, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, kho chứa hàng, nhà chứa rác, nhà nổi hơi, nhà xe, nhà bảo vệ.
- Dây chuyền sản xuất bánh quy cao cấp công suất 600kg/giờ, nhập khẩu mới 100% từ Trung Quốc vào tháng 04/2017 đặt tại nhà máy VSIP Bắc Ninh.
- Dây chuyền sản xuất bánh mềm cao cấp công suất 300kg/giờ, nhập khẩu mới 100% từ Hàn Quốc vào tháng 04/2017 đặt tại nhà máy VSIP Bắc Ninh.
- Tài sản hình thành trong tương lai: Máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất bánh kẹo nhập khẩu phục vụ cho giai đoạn 3 của dự án.

17. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	16.740.560.972	14.989.366.690
Kinh phí công đoàn	181.551.837	36.828.950
Bảo hiểm xã hội	1.161.193.179	-
Bảo hiểm y tế	207.270.731	-
Bảo hiểm thất nghiệp	91.073.975	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	552.100.000	406.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.912.750	11.912.750
Công ty Liên danh ACI Vietnam- Đông Á (*)	14.500.000.000	14.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.458.500	34.624.990
Dài hạn	664.922.865	568.922.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	664.922.865	568.922.865
Cộng	<u>17.405.483.837</u>	<u>15.558.289.555</u>

(*) Khoản tiền thanh toán theo tiến độ của Công ty Liên danh ACI Vietnam - Đông Á theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HHC-ACI Vietnam- Đông Á ngày 17/3/2016 để thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng làm việc, Giới thiệu sản phẩm, Dịch vụ Thương mại và nhà ở tại địa điểm số 25-27 Trương Định, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội”.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09a - DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND		VND		VND		VND		VND		
Tại ngày 01/01/2017	164.250.000.000	0	33.502.910.000	0	3.656.202.300	0	114.390.296.941	0	10.926.454.751	0	326.725.863.992
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	33.634.333.387	-	33.634.333.387
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	(8.212.500.000)	-	(8.212.500.000)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	59.090.909	-	59.090.909
Tại ngày 01/01/2018	164.250.000.000	0	33.502.910.000	0	3.656.202.300	0	114.390.296.941	0	36.407.379.047	0	352.206.788.288
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	1.828.971.399	-	1.828.971.399
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	-	32.016.307.424	-	(33.701.376.236)	-	(1.685.068.812)
Tại ngày 30/06/2018	164.250.000.000	0	33.502.910.000	0	3.656.202.300	0	146.406.604.365	0	4.534.974.210	0	352.350.690.875

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 241/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 thông qua phương án phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ Đầu tư phát triển số tiền 32.016.307.424 đồng, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.685.068.812 đồng. Công ty không thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông và dùng lợi nhuận để đầu tư phát triển kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	8.212.500.000

Cổ phiếu

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu):	10.000	10.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Ngoại tệ các loại - USD	78.214,68	639.261,95

20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Doanh thu	395.381.154.437	374.040.844.044
Doanh thu bán hàng	390.380.090.178	369.863.110.189
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	5.001.064.259	4.177.733.855
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.425.551.199	6.311.297.926
Chiết khấu thương mại	2.210.423.314	343.852.751
Hàng bán bị trả lại	8.215.127.885	5.967.445.175
Doanh thu thuần	384.955.603.238	367.729.546.118

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ so sánh</u> VND
Giá vốn hàng bán	321.322.547.228	301.977.968.833
Cộng	321.322.547.228	301.977.968.833

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.540.001.298	2.061.230.984
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	115.557.997	40.757.280
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	61.657.306	-
Cộng	<u>1.717.216.601</u>	<u>2.101.988.264</u>

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.590.328.936	8.164.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.616.546	61.510.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	-	1.416.583
Chi phí khác	303.108.914	-
Cộng	<u>3.901.054.396</u>	<u>71.092.048</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng	36.266.918.884	23.081.689.682
Chi phí nhân viên	13.678.604.705	2.941.708.291
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	419.298.908	1.343.137.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	497.084.212	641.829.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.740.473.137	13.130.481.166
Chi phí khác	3.931.457.922	5.024.533.275
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.362.277.807	30.349.279.889
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	133.604.374	475.916.152
Chi phí nhân viên quản lý	9.779.548.147	17.063.383.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	161.337.138	3.493.731.913
Thuế, phí và lệ phí	4.387.424.050	2.514.262.765
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.639.186.550	5.334.032.707
Chi phí khác	2.261.177.548	1.467.952.816

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	285.526.878.006	252.412.243.489
Chi phí nhân công	65.345.619.912	69.542.478.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.805.181.311	8.184.245.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.963.480.372	25.681.648.666
Chi phí khác	13.186.520.152	11.559.113.712
Cộng	<u>410.827.679.753</u>	<u>367.379.729.461</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
TRỤ SỞ CHÍNH**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	2.013.409.111	1.701.304.000

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Trụ sở chính cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán chuyên sang.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2018

Người lập

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Bình

Đinh Thị Lan Anh

Bùi Thị Thanh Hương